

Bản án: 594/2022/HC-PT

Ngày 09-08-2022

V/v: Khiếu kiện quyết định hành
chính về quản lý nhà nước trong lĩnh
vực đất đai.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Hoa.

Các Thẩm phán: Bà Trần Thị Thúy Hồng.

Ông Nguyễn Hồ Tâm Tú

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Minh Trang - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh:
Ông Nguyễn Văn Phụng - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 09 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 229/2021/TLPT-HC ngày 09 tháng 4 năm 2021 về việc: “Khiếu kiện quyết định hành chính về quản lý nhà nước trong lĩnh vực đất đai”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 188/2021/HC-ST ngày 02 tháng 02 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 999/2022/QĐ-PT ngày 15 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

Người khởi kiện: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1964

Địa chỉ: 21 N, ấp C, xã P, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện: ông Trần Văn T, Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

Người bị kiện: Ủy ban nhân dân huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh

Địa chỉ: tỉnh lộ 8, khu phố X, trị trấn C, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện : Ông Nguyễn Việt D - Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C (Giấy ủy quyền số 148/UQ-UBND ngày 06/01/2020) (có đơn đề nghị xử vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện:

1/ Ông Đinh Hoài P - Phó Trưởng Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện C (có mặt).

2/ Ông Lê Văn A – Chuyên viên Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Củ Chi (có mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Ngọc D, sinh năm 1971. Địa chỉ: ấp C, xã P, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Luật sư Phạm Văn T – Công ty Luật TNHH MTV Đông An Thuận thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

- *Người kháng cáo:* Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan - bà Nguyễn Ngọc D.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Người khởi kiện - Bà Nguyễn Thị T trình bày:

Gia đình bà đang sử dụng phần diện tích đất khoảng 190m² tại thửa đất số 118, 119-1 tờ bản đồ số 21 xã P, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh, nguồn gốc phần đất này do bà chuyển nhượng lại bằng giấy tay vào năm 1988 (vì phần đất này bà chưa được cấp giấy chứng nhận nên bà có nhu cầu đo đạc lại để làm thủ tục xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, tuy nhiên khi nộp hồ sơ bản vẽ tại Văn phòng đăng ký đất đai thì được biết phần đất này đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp bà Nguyễn Ngọc D (GCN số H00164/07 ngày 11/05/2007 đất thuộc thửa số 118,119-1 tờ bản đồ số 21) là em ruột của bà nên bà không thể làm giấy tờ được; nhưng thực tế bà D đang sử dụng phần đất khác sát phần đất của bà T thửa số 117 tờ bản đồ số 21.

Do đó, bà khởi kiện yêu cầu Tòa án tuyên hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00164/07 ngày 11/5/2007 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho bà Nguyễn Ngọc D.

Người bị kiện - Ủy ban nhân dân huyện C có văn bản trình bày:

Phần đất có diện tích khoảng 200m² thuộc thửa số 117, 118 tờ bản đồ số 21 xã P, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh có nguồn gốc do bà Nguyễn Thị T trao đổi với ông Nguyễn Văn Đ bằng một con bò trị giá 01 chỉ vàng hai bên có lập giấy tay vào ngày 01/12/1988. Bà T là người trực tiếp sử dụng phần đất trên và cất nhà ở cho đến nay. Năm 1997 bà T cho em ruột là Nguyễn Ngọc D về ở cất 01 căn nhà sát miếng đất của bà T cho đến năm 2000 do quốc lộ 22 mở rộng nên bà T cho bà D cất nhà trên phần đất thuộc thửa 117 còn bà T vẫn sử dụng phần nhà đất thuộc thửa 118 (cho đến nay các ranh đất vẫn được xác định rõ).

Năm 2006 bà D lập thủ tục xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 155,4m² thuộc thửa số 118 tờ bản đồ số 21 và xin chuyển mục đích sử dụng sang đất ở 147,3m² trong tổng diện tích 155,4m² và đã được Ủy ban nhân dân huyện C cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00164/07 ngày 11/05/2007, thửa đất mà bà D được cấp giấy chứng nhận nêu trên là của bà T trực tiếp canh tác sử dụng từ năm 1988, còn thửa đất của bà D thuộc thửa số 117 tờ bản đồ số 21.

Năm 2017 bà T thuê đo vẽ lại phần đất bà đang quản lý và sử dụng để lập hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận thì mới biết phần đất nêu trên đã được cấp giấy chứng

nhận do bà D đứng tên, nên bà T có đơn yêu cầu thu hồi hủy giấy chứng nhận mà Ủy ban nhân dân huyện C đã cấp cho bà D.

Ngày 22/11 năm 2017 Ủy ban nhân dân xã Phước Hiệp có Báo cáo số 1071/BC-UBND với nội dung: “Việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà D là cấp sai đối tượng sử dụng đất do đó Ủy ban nhân dân xã Phước Hiệp đã có tờ trình số 1070/BC-UBND ngày 22/11/2017 kiến nghị Ủy ban nhân dân huyện C thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho bà D để cấp lại cho đúng đối tượng”.

Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 106 Luật Đất đai năm 2013 thì nhà nước thu hồi trong những trường hợp: “Giấy chứng nhận cấp không đúng thẩm quyền, không đúng đối tượng sử dụng đất, không đúng diện tích đất, không đủ điều kiện được cấp, không đúng mục đích sử dụng đất hoặc thời hạn sử dụng đất hoặc nguồn gốc sử dụng đất theo qui định của pháp luật đất đai, trừ trường hợp người được cấp giấy chứng nhận đó đã thực hiện chuyển quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất theo quy định của pháp luật đất đai”. Theo quy định tại khoản 5 Điều 87 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ có quy định Nhà nước không được thu hồi giấy chứng nhận đã cấp trái pháp luật trong các trường hợp qui định tại điểm d khoản 2 Điều 106 của Luật Đất đai.

Việc xử lý thiệt hại do cấp giấy chứng nhận trái pháp luật gây ra thực hiện theo quyết định hoặc bản án của Tòa án nhân dân. Người có hành vi vi phạm dẫn đến việc cấp giấy chứng nhận trái luật bị xử lý theo qui định tại Điều 206 và Điều 207 của Luật Đất đai.

Nay bà T yêu cầu Ủy ban nhân dân huyện C thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho bà D là không thực hiện được do phân đất của bà D xin cấp giấy cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã có chuyên mục đích sử dụng sang đất ở 147,3m², đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - bà Nguyễn Ngọc D trình bày:

Phần đất diện tích 155,4m² có nguồn gốc của cha bà là ông Nguyễn Văn Đ1 cho bà vào năm 1990, bà trực tiếp quản lý và sử dụng ổn định từ đó đến năm 2006 bà tiến hành làm thủ tục đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ủy ban nhân dân xã Phước Hiệp đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà mà không ai tranh chấp hay khiếu nại gì. Ngày 11/05/2007 bà được Ủy ban nhân dân huyện C cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00164/07 với diện tích 155,4m² (trong đó có 147,3 đất ở) thuộc thửa 118 tờ bản đồ số 21 xã Phước Hiệp huyện Củ Chi. Từ đó đến nay bà T không tranh chấp hay khiếu nại gì việc bà được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T về hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H 00164/07 cấp ngày 11/5/2007 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho bà Nguyễn Ngọc D.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 188/2021/HC-ST ngày 02/02/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Bà Nguyễn Thị T.

Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00164/07 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 11/05/2007 cho bà Nguyễn Ngọc D.

2/ Án phí hành chính sơ thẩm:

Ủy ban nhân dân huyện C phải chịu án phí hành chính sơ thẩm là 300.000 đồng.

Bà Nguyễn Thị T không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm. Hoàn trả lại cho Bà Nguyễn Thị T số tiền tạm ứng án phí hành chính sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/0045021 ngày 21/11/2019 của Cục Thi hành án Dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo của các đương sự theo luật định.

Ngày 04/02/2022, bà Nguyễn Ngọc D là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan kháng cáo toàn bộ Bản án hành chính sơ thẩm nêu trên của Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh, yêu cầu cấp phúc thẩm sửa bản án theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Bà Nguyễn Thị T về việc yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00164/07 ngày 11/05/2007 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho bà Nguyễn Ngọc D.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người khởi kiện vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, người kháng cáo vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Bà Nguyễn Ngọc D trình bày yêu cầu kháng cáo đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm theo hướng bác yêu cầu khởi kiện của bà T. Lý do, phần đất tranh chấp có nguồn gốc bà được cha là ông Nguyễn Văn Đ1 cho vào năm 1990, bà trực tiếp quản lý và sử dụng ổn định và bà đã được Ủy ban nhân dân huyện C cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00164/07 ngày 11/05/2007. Quá trình Ủy ban cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà không ai khiếu nại gì. Do đó, việc bà được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là đúng qui định của pháp luật.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện trình bày không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của bà D, đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà T không đồng ý với trình bày và yêu cầu kháng cáo của bà D, đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Tại phần tranh luận:

Bà Nguyễn Ngọc D đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà, sửa án sơ thẩm theo hướng bác yêu cầu khởi kiện của bà T.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà T tranh luận:

Lời trình bày và yêu cầu kháng cáo của bà D là không có căn cứ pháp luật. Việc bà D kê khai xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất sang phần thuộc quyền sử dụng hợp pháp của bà T và việc Ủy ban nhân dân huyện C có sai sót trong việc cấp GCN quyền sử dụng đất đã được phía Ủy ban nhân dân huyện C xác nhận tại Tòa. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của bà D, giữ nguyên

bản án sơ thẩm.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng trình tự thủ tục theo quy định của Luật Tố tụng hành chính. Các đương sự đã được thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Luật Tố tụng hành chính.

Về nội dung: Bản án sơ thẩm đã giải quyết đúng pháp luật. Bà D kháng cáo nhưng không cung cấp được thêm bất cứ tài liệu, chứng cứ nào khác chứng minh cho yêu cầu kháng cáo là có căn cứ, đúng pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử bác yêu cầu kháng cáo của bà D, giữ nguyên quyết định của bản án hành chính sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Đơn kháng cáo của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan - bà Nguyễn Ngọc D là hợp lệ, trong thời hạn luật định, đủ điều kiện để xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2]. Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện – Ủy ban nhân dân huyện Củ Chi vắng mặt, có đơn đề nghị xử vắng mặt. Căn cứ khoản 4 Điều 225 Luật Tố tụng hành chính, Tòa án xét xử vắng mặt người bị kiện.

[3]. Về đối tượng khởi kiện, quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Người khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00164/07 ngày 11/5/2007 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho bà Nguyễn Ngọc D. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên là đối tượng khởi kiện vụ án hành chính. Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định đúng quan hệ tranh chấp và thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 3; Khoản 1 Điều 30; khoản 4 Điều 32 Luật Tố tụng hành chính năm 2015.

[4]. Về thời hiệu khởi kiện vụ án hành chính: Vào năm 2018 bà T làm thủ tục xin được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và biết được phần đất mà bà T xin được cấp giấy đã được cấp cho bà Nguyễn Ngọc D. Ngày 07/5/2019, bà T nộp đơn khởi kiện tại Tòa án yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho bà D. Như vậy, thời hiệu khởi kiện vụ án hành chính vẫn còn theo quy định tại Khoản 2 Điều 116 của Luật tố tụng hành chính.

[5]. Xét tính hợp pháp của quyết định bị khiếu kiện - về thẩm quyền, trình tự, thủ tục ban hành: Ủy ban nhân dân huyện C cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00164/07 ngày 11/05/2007 cho bà Nguyễn Ngọc D là đúng thẩm quyền và trình tự, thủ tục theo quy định tại khoản 2 Điều 52 Luật Đất đai năm 2003; Nghị định 181/2004/NĐ – CP thi hành Luật đất đai 2003;

[6]. Xét tính hợp pháp của Quyết định hành chính bị khiếu kiện - về nội dung:

[6.1]. Theo lời khai của Bà Nguyễn Thị T phù hợp với ý kiến tại các văn bản của Ủy ban nhân dân huyện C về nguồn gốc đất tranh chấp thể hiện: Phần đất có diện tích khoảng 200m² thuộc thửa số 117,118 tờ bản đồ số 21 xã P, huyện C, Thành phố

Hồ Chí Minh có nguồn gốc do Bà Nguyễn Thị T trao đổi với ông Nguyễn Văn Đ bằng một con bò trị giá 01 chỉ vàng lập bằng giấy tay vào ngày 01/12/1988.

[6.2]. Căn cứ vào xác nhận của chính quyền địa phương và lời khai của ông Nguyễn Văn Đ là cha của bà T và bà D tại bản tường trình ngày 09/06/2020 thể hiện bà T là người trực tiếp sử dụng phần đất trên và cất nhà ở từ năm 1988 cho đến nay. Năm 1997, bà T cho em ruột là bà Nguyễn Ngọc D về ở và cất 01 căn nhà trên phần đất thuộc thửa 117 diện tích 43,7m² sát với phần đất bà T vẫn sử dụng (phần nhà đất này thuộc thửa 118); năm 2000 bà D mới xây lại nhà thành nhà 01 trệt 1 lầu và sử dụng cho đến nay đã được cấp số nhà là 446 (hiện các ranh đất vẫn được xác định rõ tại Bản đồ do chính quyền địa phương lưu trữ). Ngày 11/05/2007, bà D được Ủy ban nhân dân huyện C cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00164/07, thuộc thửa số 118,119 -1 tờ bản đồ số 21.

[6.3]. Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh lập ngày 24/07/2020 thể hiện bà D hiện đang quản lý, sử dụng phần nhà đất tại thửa đất 117 tờ bản đồ số 21 trên đất có xây một căn nhà diện tích 43,7m² vào năm 1997, sửa lại thành 01 trệt 01 lầu vào năm 2000 hiện có số nhà là 446 đường Quốc lộ 22 ấp Cây Trôm xã Phước Hiệp huyện Củ Chi.

[6.4]. Bà Nguyễn Ngọc D khai phần diện tích đất 155,4m² mà bà D được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có căn nhà của bà T nhưng cho rằng phần đất này bà có được do cha bà D là ông Đ1 cho (không liên quan gì đến căn nhà 446 thuộc thửa 117 của bà D). Tuy nhiên, tại bản tường trình của ông Đ1 lập ngày 9/6/2020, ông Đ1 cho rằng không cho con cái phần đất nào cả, mà xác nhận nguồn gốc quá trình sử dụng đất đúng như bà T trình bày. Như vậy, bà D không chứng minh được nguồn gốc đất trên thuộc quyền sử dụng hợp pháp của bà có được do cha bà là ông Đức cho như bà đã khai.

[6.5]. Xét thấy, sau khi bà T có đơn khiếu nại tại Ủy ban và khiếu kiện tại Tòa án về việc yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00164/07 đã cấp cho bà Nguyễn Ngọc D. Ủy ban nhân dân huyện C cũng đã có văn bản xác định là có sự nhầm lẫn về đối tượng được cấp giấy. Trước đó, Ủy ban nhân dân xã P, huyện C cũng đã có tờ trình số 1070/TTr-UBND gửi Ủy ban nhân dân huyện C về việc đề nghị thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho bà D do cấp sai đối tượng. Đồng thời, Ủy ban nhân dân xã Phước Hiệp mời bà D lên giải thích việc cấp nhầm vị trí đất do trước đây khi cấp giấy chứng nhận cho bà D không đo đạc thực tế, không kiểm tra hiện trạng nên cấp nhầm vị trí thửa đất nhưng bà D không đồng ý. Tuy nhiên, Ủy ban nhân dân huyện C cho rằng do đất đã chuyên mục đích sử dụng nên căn cứ vào khoản 5 Điều 87 của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ, Ủy ban không được thu hồi giấy chứng nhận đã cấp trái pháp luật trong các trường hợp quy định tại điểm d khoản 2 Điều 106 Luật Đất đai và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

[6.6]. Từ những cơ sở pháp lý đã phân tích từ mục [5] đến mục [6.5] nêu trên, có cơ sở xác định, việc Ủy ban nhân dân huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00164/07 ngày 11/5/2007 cho bà Nguyễn Ngọc D là sai đối tượng, chưa đúng quy định Pháp luật đất đai, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà T. Bản án sơ thẩm đã chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T, hủy Giấy

chứng nhận quyền sử dụng đất số H 00164/07 cấp ngày 11/05/2007 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho bà Nguyễn Ngọc D là đúng pháp luật.

[7]. Tại phiên tòa phúc thẩm, phía bà D không cung cấp được thêm tài liệu, chứng cứ nào khác để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo là có cơ sở. Do đó, không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà D. Giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm.

[8]. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến và đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của bà D, giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm số 188/2021/HC-ST ngày 02/02/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh. Ý kiến phân tích và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với chứng cứ và nhận định trên của Hội đồng xét xử.

[9]. Về án phí hành chính phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bà Nguyễn Ngọc D phải chịu án phí hành chính phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu miễn giảm, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[10] Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật thi hành.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính năm 2015; khoản 2 Điều 52; điểm d khoản 2 Điều 106 Luật Đất đai năm 2003; khoản 1 Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Ngọc D.

2. Giữ nguyên quyết định của bản án hành chính sơ thẩm số 188/2021/HC-ST ngày 02/02/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh.

2.1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Bà Nguyễn Thị T.

Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00164/07 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 11/05/2007 cho bà Nguyễn Ngọc D.

2.2. Án phí hành chính sơ thẩm:

Ủy ban nhân dân huyện C phải chịu án phí hành chính sơ thẩm là 300.000 đồng.

Bà Nguyễn Thị T không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm. Hoàn trả lại cho Bà Nguyễn Thị T số tiền tạm ứng án phí hành chính sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/0045021 ngày 21/11/2019 của Cục Thi hành án Dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về án phí hành chính phúc thẩm: bà Nguyễn Ngọc D phải chịu án phí hành chính phúc thẩm 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, được trừ vào tiền tạm ứng án phí phúc thẩm 300.000 (ba trăm nghìn) đồng bà D đã nộp theo Biên lai thu số 0093665 ngày 05/02/2021 của Cục Thi hành án Dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Sau khi căn trừ, bà D đã nộp đủ án phí hành chính phúc thẩm.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao (1);
- VKSNDCC tại Thành phố Hồ Chí Minh (1);
- TAND Tp. Hồ Chí Minh (1);
- VKSND Tp. Hồ Chí Minh (1);
- Cục THADS Tp. Hồ Chí Minh (1);
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ (1), VP(3), 17b (PMT);

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Ngọc Hoa